

Phẩm thứ bảy: NHƯ LAI DANH HIỆU

(Từ đây trở xuống là phần thứ hai Tu nhân hợp với quả phát sinh hiểu biết. Hội thứ hai bắt đầu từ quyển thứ 12 này đến hết phẩm Bồ-tát Văn Minh ở quyển thứ 13 trong kinh).

Dem phẩm này giải thích, có năm môn phân biệt:

A- Ý ĐƯA RA, văn có ba:

Một: Trình bày về đưa ra Phần, trước đã nêu ra quả khiến cho phát sinh tin tưởng ưa thích, nay trình bày về tin hiểu có thể phát sinh nhân quả, cho nên tiếp theo đưa ra.

Hai: Đưa ra Hội, trong phần phát sinh hiểu biết, bởi vì tin tưởng vốn là đầu tiên. Lại trước đây nêu ra cảnh đã tin tưởng, nay trình bày về hạnh có thể tin tưởng, cho nên tiếp theo đưa ra.

Ba: Đưa ra Phẩm, phẩm trước nêu ra nhân để hiển bày về quả, thành tựu về cảnh đã tin tưởng; nay nêu ra quả để phân rõ về nhân, làm sáng tỏ về hạnh có thể tin tưởng. Ba nghiệp trong quả thì thân là tổng quát, cho nên đưa ra trước tiên. Lại bởi vì giải đáp xa câu hỏi về Danh hiệu hải trước đây.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI, văn cũng có ba:

Một: Tên gọi của Phần, là phần Tu nhân hợp với quả phát sinh hiểu biết, nghĩa là tu nhân tròn vẹn của năm phần vị, thành tựu quả đầy đủ của mười thân, khiến cho các Bồ-tát hiểu rõ về tướng này, lập tức phát sinh hiểu biết về Tu nhân hợp với quả. Đây là Y chủ thích.

Hai: Tên gọi của Hội, dựa theo nơi chốn gọi là Hội Phổ Quang Minh Điện. Nhưng có ba cách giải thích: 1- Bởi vì cung điện là vật báu tạo thành cho nên ánh sáng tỏa chiếu khắp nơi; 2- Bởi vì Phật ở trong cung điện ấy phát ra ánh sáng rộng khắp; 3- Phật ở trong cung điện ấy thuyết về pháp môn rộng khắp, ánh sáng trí tuệ tỏa chiếu thế gian, cho nên thiết lập tên gọi ấy. Dựa vào một nghĩa trước tức là Y chủ thích, hai nghĩa sau là Hữu tài thích. Dựa theo pháp thì gọi là Hội của Tín Hành.

Ba: Tên gọi của Phẩm, phẩm Như Lai Hiện Tướng đã giải thích. Dẫn đến Thể nói là Danh, biểu thị cho Đức gọi là Hiệu. Danh thì riêng, Hiệu thì chung. Tất cả chư Phật đều đầy đủ mười Hiệu, mà Danh như Thích-ca... thì không giống nhau, Như Lai tức là một trong mười Hiệu. Trong Phẩm, chính là nói về Tùy cơ, dựa vào Đức để thiết lập về Danh riêng biệt. Danh đã biểu thị cho Đức, thì cũng là Danh-cũng là Hiệu. Danh Hiệu của Như Lai, là Y chủ thích.

C- TỔNG THỨ, văn cũng có ba:

Một: Tông của Phần, nghĩa là dùng tu thuộc về Tu sinh để hiển bày về nhân quả làm Tông, khiến cho các Bồ-tát tu hạnh phù hợp để tiến vào làm Thú.

Hai: Tông của Hội, nếu dựa vào tổng quát hướng về thì Tín-Giải-Hạnh-Đức thâm nhiếp phần vị làm Tông, nối thông với thành tựu quả Phật làm Thú, bởi vì tin tưởng có thể chắc chắn đến Như Lai Địa. Hướng về gần thì chỉ riêng Tín làm Tông, thành tựu phần vị làm Thú. Nếu dựa vào Tông của mười phần Trường hàng phân tích, thì lấy ba phẩm dưới đây để làm một phần, tức là Dụng của quả ứng với căn cơ rộng khắp pháp giới, lấy đó làm Tông; dựa vào đây phát khởi niềm tin làm Thú. Đây cũng gọi là nhân quả của Chánh báo, cũng là pháp đã tin tưởng. Tin vào pháp môn nào? Tin vào danh hiệu của thân Phật giống như chúng sinh, thì biết tên gọi của mình giống như danh hiệu của Phật. Tin vào pháp môn của Phật tùy theo thích hợp mà thiết lập, thì biết khổ-tập là vọng niệm của mình cũng toàn là pháp môn. Tin vào ánh sáng soi chiếu rộng khắp thuộc ý nghiệp của Phật, thì biết tâm mình không có gì mà không hiểu biết. Các bậc cổ đức trước kia, cũng lấy ba phẩm trước đưa vào phần nêu ra quả.

Ba: Tông của Phẩm, hiển bày về danh hiệu của Phật có khắp mọi nơi làm Tông, tùy theo căn cơ điều phục giáo hóa mà làm lợi ích là Thú. Hoặc là hai phần trên đều là Tông, phát sinh niềm tin làm Thú.

D- PHẦN HỎI ĐÁP: Hỏi: Năm vòng nhân quả sai biệt-bình đẳng không giống nhau, vì sao phần Danh Hiệu hợp lại làm một? Đáp: Bởi vì bao gồm phát sinh hiểu biết về sai biệt-bình đẳng, cho nên tách rời Tu sinh thì nói Tu gì hiển bày?

Hỏi: Hội trước nêu ra quả, căn bản là phát sinh niềm tin; nay vì sao lại nêu ra ba phẩm như Danh Hiệu...? Đáp: Tất cả dựa vào cảnh để phát sinh niềm tin, có hai nghĩa: 1- Nêu ra pháp của cảnh để trình bày về có nơi chốn; 2- Thâm nhiếp mà dựa vào tâm khiến cho thành tựu về Tín Hạnh. Hội trước dựa theo nghĩa đầu, Hội này dựa theo nghĩa sau. Và lại, Hội trước thì quả mở rộng mà nhân tóm lược, cho nên gọi là nêu ra quả; Hội này thì nhân mở rộng mà quả tóm lược, cho nên tổng quát thâm nhiếp làm nhân. Trước là Y báo, sau là Chánh báo, văn phỏng theo tóm lược mà thôi. Nếu dựa theo đan xen vào nhau (Câu tủa), thì tự mình thuộc về quả Chánh báo, cho nên không giống như Hội thứ bảy nói về quả đã thành tựu, bởi vì trong này tự nhiên phân rõ về chỗ dựa của niềm tin.

Hỏi: Vì sao không nhập Định? Bởi vì tánh bất định chưa tiến vào

phần vị. Nếu như vậy thì mười Định lẽ nào là thiện phân tán? Nhưng nghi thức thuyết pháp gồm có bốn câu: 1- Thuyết giảng sau Định, giống như các Hội; 2- Định sau thuyết giảng, như kinh Vô Lượng Nghĩa...; 3- Thuyết giảng trong Định, như Hội thứ chín, bởi vì không có ngôn từ phát ra; 4- Thuyết giảng mà không nhập Định, như trong Tín này và Hội thứ bảy, các văn không phải là một. Hội thứ chín biểu thị cho Chứng, chỉ có Chứng mới có thể thuyết giảng, bởi vì một khi đạt được thì vĩnh viễn thường còn, không ngăn ngại khởi Dụng. Hội thứ bảy vốn là biểu thị cho luôn luôn ở trong Định. Lại nhập Định là tiếp nhận gia hộ, Hội thứ bảy không cần phải gia hộ, cho nên thuyết giảng mà không cần phải nhập Định. Nhập Định sau là bởi vì thuyết giảng thuộc về hạnh, bởi vì sắp phát khởi phần sau, thì biết biến động hay vắng lặng chỉ là chúng sinh, bậc Thánh không có lệ thường. Vì vậy trong văn sau phân rõ về Dụng của Thập Tín, một phương nhập vào Chánh Định, những phương khác bắt đầu xuất Định mới thuyết giảng, tự tại vô ngại. Những Hội khác thì thuyết giảng sau khi xoa trên đỉnh đầu, Hội này thì xoa trên đỉnh đầu sau khi thuyết giảng, thì biết Thể của kinh này có xu thế dọc ngang, không thể nào nhất định.

E- GIẢI THÍCH VĂN: Nếu thuận theo Nghĩa thì trong mười phần phân định dựa theo Phẩm, ba phẩm dưới đây là phần Dụng của quả ứng với căn cơ rộng khắp mọi nơi. Nếu thuận theo Pháp thì trong mười phần phân định dựa vào Hội, một Hội này là Hội thứ hai Năng tín thành đức (Tự mình tin tưởng mà thành tựu đức). Nay dựa vào bốn lượt hỏi-đáp để phân định, thì từ đây đến cuối Hội thứ bảy, tức là phần thứ hai Tu nhân hợp với quả phát sinh hiểu biết. Nếu thuận theo các Hội thì phải dứt khoát là phần hỏi-đáp.

Nay bởi vì thuận theo văn, một Hội phân ba: Một: Phần mở đầu; Hai: Phần thưa thỉnh; Ba: Phần thuyết giảng.

Một: Phần mở đầu, đầy đủ như phần đầu của kinh, chỉ thêm vào Phổ Quang, lấy làm khác nhau ở chi tiết, tóm lược phân làm ba: 1- Nêu ra Chủ-Thời-Xứ; 2- Từ “Thỉ thành...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về ba sự việc; 3- Từ “Dữ thập Phật...” trở xuống là nói về phụ tá viên mãn.

Trong phần 2 phân ba: a- Riêng biệt hiển bày về thời gian thuyết giảng. b- Từ “Ư Phổ Quang...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về nơi chốn thuyết giảng, ở tại Bồ-đề tràng nơi khúc cong của sông Ni-liên khoảng chừng ba dặm về phía Đông Nam, rộng ở sông ấy vì Đức Phật mà làm ra nơi này. Nay nêu ra tổng quát để thâm nhiếp riêng biệt, trước

đây nêu ra tên gọi của đất nước, lấy gốc để thu nhận ngọn. Trước nêu ra tên gọi của nơi chốn, bởi vì sau không rời khỏi tán cây Bồ-đề mà đến khắp mười phương. c- Từ “Diệu ngộ...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về đức của vị Giáo chủ, cũng tức là nêu rõ về tướng thành tựu Chánh giác. Dựa theo phần đầu của Hội thứ tám và kinh Giải Thâm Mật..., đều nói Phật có hai mươi một loại công đức, đến phẩm Thăng Đâu Suất sẽ mở rộng trình bày. Nay vẫn có mười câu, cũng sơ lược giải thích mà thôi. Trong mười câu: Một câu đầu là tổng quát, các câu còn lại là riêng biệt.

Trong phần tổng quát nói Diệu ngộ đều đầy đủ, Diệu ngộ trong bản kinh thời Tấn gọi là Thiện Giác, luận về kinh gọi là Chánh Giác. Bởi vì âm tiếng Phạn là Tô, bao hàm Diệu Thiện và Chánh Đẳng, người dịch thuận theo chọn lấy Ngộ tức là Giác, cùng soi chiếu Chân-Tục cho nên gọi là Diệu ngộ; đầy đủ (Bị) ở các câu sau khác với người ở phần vị nhân, cho nên lại gọi là đầy đủ (Mãn).

Trong phần riêng biệt: Một: Hai hành vĩnh viễn không còn, là Phiền não chướng và Sở tri chướng, sinh tử và Niết-bàn, đều gọi là hai hành; cả hai không còn hiện rõ trước mắt, gọi là vĩnh viễn không còn. Hai: Thông hiểu về pháp Vô tướng, Chân Như thanh tịnh gọi là pháp Vô tướng, Đạt là hiểu rõ. Ba: Như Lai thường an trú trong Đại Bi, tùy ý vận dụng làm lợi lạc cho chúng sinh; lại thường dừng bước an trú trong Phạm hạnh của Thánh nhân-chư Thiên (Thánh Thiên Phạm trú), cho nên nói là trú trong trú xứ của Phật. Bốn: Thụ động chứng-chủ động chứng và Dụng của giáo hóa đều giống như chư Phật. Năm: Bởi vì đầy đủ đạo có thể đối trị, cho nên thoát khỏi chướng ngại. Sáu: Bởi vì giáo pháp đã thuyết giảng, cho nên ngoại đạo không thể nào lay chuyển. Bảy: Bởi vì hành thuận nghịch theo các thế gian, cho nên ma oán không thể nào ngăn ngại. Tám: Bởi vì an lập giáo pháp vượt lên trên nói năng-suy nghĩ. Chín: Bởi vì đối với cảnh của ba đời, hoặc là Sự-hoặc là Lý đều thông hiểu rõ ràng, cho nên ghi nhớ riêng biệt không có gì sai lầm.

Đầy đủ chín câu riêng biệt này thì thành tựu câu tổng quát đầu tiên, Đồng-Dị-Thành-Hoại dựa theo suy nghĩ có thể biết.

Phần 3 là nói về phụ tá viên mãn, văn phân hai: a- Nêu ra số lượng để lựa chọn xác định; b- Ca ngợi về đức thù thắng.

Trong phần a: Bồ-tát là lựa chọn không phải phạm phu-Tiểu thừa, Bồ xứ là trình bày không phải ở phần vị dưới, từ phương khác mà đến không phải chúng đã từng có. Nói đến Nhất sinh (Một đời cuối cùng),

giải thích có hai nghĩa: Một: Dựa theo Hóa tướng, đó là như Di-lặc, ở đây lại có ba: 1: Nhất sinh trong loài người; 2: Nhất sinh trên cõi trời; 3: Nhất sinh xuống thấp. Chủ yếu chọn lấy trong cõi trời. Hai: Dựa theo Nhất sinh thuộc về Thật báo, đó là ở trong bốn loại Biến dịch sinh tử, chỉ có một loại cuối cùng, gọi là Vô hữu sinh tử, gắn liền với một phần vị. Văn này phần nhiều dựa theo Hóa tướng mà thôi.

Phần b: từ “Phổ thiện...” trở xuống là ca ngợi về đức thù thắng, đức tuy vô lượng mà tóm lược ca ngợi một loại. Khéo léo quán sát tất cả, là Trí chủ động quán sát. Phổ (tất cả) có hai nghĩa: Một: Tất cả Đại chúng cùng có đức này; Hai: Quán sát tất cả mười cảnh. Thiện (khéo léo) có ba nghĩa: Một: Khéo léo nhận biết về tướng; Hai: Khéo léo nhận biết về Vô tướng; Ba: Khéo léo nhận biết về hai loại này là Vô ngại.

Từ “Chúng sinh giới...” trở xuống là trình bày về pháp đã quán sát, đều có đủ ba nghĩa trên. Trong mười câu: Đầu là câu tổng quát về chúng sinh đã giáo hóa. Tiếp là chúng sinh này từ đâu đến? Bởi vì mê lầm về pháp giới mà khởi lên ở thế giới, mình nên khiến cho chúng sinh ấy trú vào cảnh giới Niết-bàn. Bởi vì làm thanh tịnh quả của các nghiệp, cần phải hiểu rõ về bệnh của tâm hành-thuốc của văn nghĩa, khiến cho chán ngán thế gian, vui thích xuất thế gian, không loại bỏ hữu vi, không trú vào vô vi. Trên đây dựa theo không gian phân rõ về mười pháp quán sát. Nay dựa theo thời gian thông hiểu về ba đời, quán sát Niết-bàn chứng biết về quá khứ-hiện tại-vị lai (Đi-hiện-đương), quán sát các nghiệp tạo ra ở quá khứ-hiện tại-vị lai, nhận lấy quả báo của quá khứ-hiện tại-vị lai, phát động tâm hành của quá khứ-hiện tại-vị lai. Phần còn lại có thể nhận biết tương tự, cũng dùng sáu tướng để dung thông.

Hai: Từ “Thời chư Bồ-tát...” trở xuống, trong phần Thưa thỉnh có hai: Trước là đưa ra người nêu lên ý nghĩ; sau từ “Nhược Thế Tôn...” trở xuống là chính thức hiển bày về những điều thưa hỏi.

Nhưng văn tuy có năm mươi câu mà thưa hỏi chỉ có bốn mươi câu, bởi vì mười câu thứ hai là ý thuyết giảng. Bốn mươi câu hỏi này, hướng về Hội thứ nhất có giống nhau-có khác nhau, hai mươi câu hỏi sau hoàn toàn giống nhau, hai mươi câu hỏi trước thì giống nhau trên đại thể chỉ khác nhau ở chi tiết.

Vả lại, trước sau không giống nhau, mười câu hỏi đầu tức là mười Hải ở phần thứ ba trước đây, Hội trước tức là tổng quát nói về pháp sâu rộng đã quán sát, Hội này thì riêng biệt nói về Y-Chánh của Như Lai. Bởi vì trong Hội trước là tổng quát, Hội này thì riêng biệt hiển bày riêng

về chỗ dựa của Tín, cho nên Hội trước đều đưa vào chữ Hải, trong Hội này chỉ nói là Sát... Mười câu hỏi tiếp theo, ở Hội trước gọi là mười Hải của Bồ-tát, ở Hội này nêu ra phần vị của hành như Trú... Trước là nối thông với các Hội, cho nên tổng quát hiển bày về nhân của Hành bố-Viên dung; ở đây là dựa theo phần vị ấy, bởi vì muốn hiển bày về tướng sai biệt của nhân. Hai mươi câu hỏi sau tuy là hoàn toàn giống nhau, mà trước là tổng quát, ở đây là riêng biệt. Lại trước tức là pháp đã tin tưởng, nay là phân rõ về pháp đã thành tựu, bởi vì muốn hiển bày về Thể của pháp đã tin tưởng-đã thành tựu không khác nhau, cho nên câu văn hoàn toàn giống nhau.

Nếu chỉ dựa theo nghĩa thì cũng có thể phân ba, đó là mười câu đầu, thưa hỏi về Đại Dụng không có nơi chốn ứng với căn cơ thuộc đức của Phật, phân rõ về nhân làm chỗ dựa của quả; mười câu tiếp, thưa hỏi về phần vị hành của Bồ-tát, tức là do quả mà thành tựu nhân; hai mươi câu sau, là đức thù thắng của quả Phật, hiển bày về do nhân mà thành tựu quả. Vậy thì lấy Phật làm duyên mà dấy khởi đối với nhân, trở lại dùng nhân này mà thành tựu đối với quả, là ý chính của phần này. Vì vậy luận nói: Đa văn huân tập, tất cả đều từ Pháp thân này phát ra, tất cả đều trở lại chứng Pháp thân này, tức là nghĩa ấy.

Nay chọn lấy văn và nghĩa đều thích hợp, toàn bộ phân làm hai: Mười câu đầu là cứ như vậy mà nghi vấn, ba mươi câu sau là dẫn ra ví dụ để thưa hỏi, nghĩa không khác với trước. Nhưng đã dựa vào-đã thành tựu thì văn thuận theo có lẫn nhau, chỉ là phỏng theo tóm lược cho nên không cần phải nói nhiều rườm rà.

Hội thứ nhất cứ như vậy mà phát khởi thưa hỏi, thì trong Hội này dẫn ra ví dụ, trong Hội này dẫn ra ví dụ thì ở Hội ấy thẳng thắn thưa hỏi. Lại trước đây chỉ trình bày một lớp về pháp đã tin tưởng, cho nên hợp lại ba mươi câu về quả; nay bởi vì phân ra hai đoạn, cho nên dùng nhân để tách ra.

Đoạn một: Mười câu đầu: Trước là tổng quát hiển bày về ý thưa hỏi; sau từ “Khai thị...” trở xuống là riêng biệt nêu ra những nghi ngờ.

Mười câu hỏi trong Y-Chánh, Chánh báo ứng với căn cơ thì cần phải dựa vào quốc độ, cũng biểu thị cho Y-Chánh không có chướng ngại.

Năm câu về Y báo: 1- Chủng loại quốc độ; 2- Trang nghiêm; 3- Thanh tịnh; 4- Thể tánh; 5- Thành tựu. Năm câu trên tức là hai Hải trước đây, mở rộng như hai phẩm thứ tu-thứ năm.

Năm câu như vị Phật ấy an trú... tức là Đại Dụng của Chánh báo:

1- Thân Phật an trú khắp nơi các quốc độ, tâm Phật thường trú trong Đại Bi; 2- Đã đầy đủ công đức và đã chứng được pháp tánh; 3- Tùy theo căn cơ mà thuyết pháp; 4- Tác dụng của ánh sáng uy nghiêm; 5- Tu hành đạt được chứng, thị hiện thành tựu Bồ-đề. Nhưng năm câu này tức là bảy Hải ở Hội trước: Một: Tức là Phật hải; Hai: Tức là Giải thoát hải; Ba: Tức là Diễn thuyết hải; Bốn: Tức là Biến hóa hải; Năm: Tức là Danh hiệu hải-Thọ lượng hải và Ba-la-mật hải. Chúng sinh hải chỉ là chúng sinh đã giáo hóa, cho nên lược qua không nêu ra, bởi vì bao hàm trong các Hải. Mười câu này về sau, có giải đáp bằng ngôn thuyết và hiện tượng để giải đáp, đến văn sau sẽ biết rõ.

Đoạn hai: Từ “Như thập phương...” trở xuống là dẫn ra ví dụ để thưa hỏi, văn phân làm ba: Một: Mười câu đầu là nêu ra ý thuyết giảng của chư Phật mười phương, trình bày về mười phương có Bi; Hai: Ba mươi câu sau là nêu ra pháp đã thuyết giảng của chư Phật mười phương, hiển bày về mười phương có Trí; Ba: Một câu cuối cùng là kết luận để chính thức thưa hỏi, chư Phật mười phương đã như vậy, Đức Phật ở phương này cũng nên như vậy.

Một: Trong mười câu đầu: Câu một là tổng quát, nghĩa là khiến cho hạnh nguyện của các Bồ-tát thành tựu. Chín câu còn lại là riêng biệt. 1- Tiến lên nối tiếp dòng giống của Phật. 2- Thế nào là nối tiếp? Bởi vì cứu giúp chúng sinh. 3- Thế nào là cứu giúp? Bởi vì khiến cho lìa xa mê lầm. 4- Cứu giúp như thế nào? Bởi vì nhận biết căn hành của họ. 5- Dùng cách gì để cứu giúp? Vốn là nói về thuốc pháp. 6- Thành tựu có lợi ích gì? Đó là: Một: Trừ diệt cấu nhiễm của Tập đế; Hai: Giải quyết nghi ngờ về Đạo đế; Ba: Loại bỏ mong muốn của Khổ đế; Bốn: Chứng được nơi chốn yêu thích của Diệt đế.

Lại thành tựu hạnh của Bồ-tát có đủ Bi-Trí. Có đủ Bi-Trí này để làm gì? Đó là khiến cho dòng giống của Phật không đoạn tuyệt. Dòng giống của Phật không đoạn tuyệt có tướng gì? Đó là thành tựu ba đức, cứu giúp che chở chúng sinh là thành tựu Ân đức, vĩnh viễn đoạn trừ phiền não là thành tựu Đoạn đức, biết rõ các hành là thành tựu Trí đức. Các hành có ba: Một: Hành của tâm; Hai: Hành đã hiện hành; Ba: Hành đã hiểu rõ. Nói tất cả các hành là Vô thường-Vô tướng, tức là đã hiểu rõ. Thế nào là cứu giúp che chở? Đó là diễn giải thuyết giảng về các pháp. Thế nào là vĩnh viễn đoạn trừ? Đó là làm thanh tịnh các tạp nhiễm. Vĩnh viễn đoạn trừ phiền não thì chúng tử hiện hành đều không còn, loại trừ các tạp nhiễm, đó là chỉ có phiền não hiện hành. Thế nào là thành tựu Trí? Đó là vĩnh viễn đoạn trừ mạng lưới nghi ngờ. Trí thành

tự có lợi ích gì? Đó là đoạn trừ các mong muốn. Phiền não đoạn trừ có lợi ích gì? Đó là diệt hết những chấp trước do ái. Tất cả chấp trước, là chấp trước về Hữu, chấp trước về Không, chấp trước về Hành, chấp trước về Quả. Không chấp trước các pháp thì Chánh trí hiện rõ trước mắt, Bi cứu giúp chúng sinh thì dòng giống của Phật không đoạn tuyệt, là hạnh chủ yếu của Bồ-tát, là bốn ý của chư Phật. Các câu hỏi đã nêu ra, mỗi một câu hỏi đều có lợi ích như vậy.

Lại giải thích: Tất cả Bồ-tát là đã thành tựu. Thế nào là thành tựu? Đó là dòng giống của Phật không đoạn tuyệt tức là tự mình thành tựu, cứu giúp che chở chúng sinh là thành tựu cho người khác. Thế nào là cứu giúp che chở? Đó là lia xa hai chướng, vĩnh viễn đoạn trừ phiền não là không còn Phiền não chướng, biết rõ tất cả là không còn Sở tri chướng. Dùng phương tiện gì để có thể đoạn trừ hai chướng? Đó là thuyết giảng về các pháp. Phiền não chướng này, tướng của nó thế nào? Đó là Ái và Kiến, trừ diệt các tạp nhiễm là đoạn tuyệt phiền não của Ái, vĩnh viễn đoạn trừ mạng lưới nghi ngờ là đoạn tuyệt phiền não của Kiến. Sở tri chướng này, tướng của nó thế nào? Đó là không hiểu rõ về cảnh mà có những mong muốn, pháp chấp chưa quên mà phát sinh chấp trước tất cả. Nay tất cả các tướng đều hiểu rõ thì mong muốn nơi nào? Thông hiểu về tánh Không của các pháp thì chấp trước nơi nào? Hai chướng đã vắng lặng-hai Trí hiện rõ trước mắt, thành tựu Bồ-đề Niết-bàn, nghĩa là không đoạn tuyệt dòng giống của Phật thì Bồ-tát thành tựu rồi.

Hai: Trong ba mươi câu sau từ “Thuyết chư Bồ-tát...” trở xuống là nêu ra pháp đã thuyết giảng của chư Phật mười phương, văn phân làm hai: 1: Mười câu đầu là hỏi về nhân; 2: Hai mươi câu sau là hỏi về quả.

Phần 1: Mười câu về nhân, văn có chín câu, xưa nói rằng: Thiếu một câu thứ chín là hỏi về Thập Nhân. Lại bởi vì Thập Tín tự mình không thành tựu phần vị, là phương tiện của Trú, thâm nhiếp ở trong Trú, cho nên không hỏi riêng biệt. Bởi vì phẩm Giáo Hóa trong kinh Nhân Vương nói: “Ba mươi người ở phần vị Phục Nhân-Thánh Thai, là Thập Tín-Thập Chỉ-Thập Kiên Tâm.” Do đó, Tín-Trú không phân ra. Có nghĩa nói rằng: “Có bốn nghĩa cho nên Tín không tiến vào phần vị: 1- Bởi vì tiến-lùi không nhất định; 2- Tu mười tâm xen nhau, cho nên lên-xuống không có nhất định; 3- Chưa thuận theo pháp giới, cho nên tu hạnh rộng lớn; 4- Chưa đạt được Pháp thân, cho nên hiển bày về chủng tánh của Phật.” Vì vậy, Thập Tín không tách ra, thì trở thành Hội này và

Hội thứ ba đều giải đáp câu hỏi về Thập Trú. Thập Hạnh giải đáp ở Hội thứ tư. Thập Hồi Hương giải đáp ở Hội thứ năm. Thập Tạng giải đáp trong Hội thứ tư, bởi vì Tạng có hai nghĩa: Một: Nghĩa về thâu nhiếp, đó là thâu nhiếp các hành dùng để hồi hương, cho nên giải đáp ở trước Hồi Hương; Hai: Nghĩa về sinh ra, bởi vì sinh ra Chứng Trí của Địa thượng, cho nên thưa hỏi ở sau Hồi Hương. Thập Địa giải đáp ở Hội thứ sáu. Thập Nguyên giải đáp trong Địa thứ nhất. Thập Định-Thập Thông giải đáp ở Hội thứ bảy. Tất cả đều có phẩm riêng biệt. Giải đáp một loại về Thập Đảnh, vẫn không hiển bày. Xưa có nhiều cách giải thích:

Có nơi nói rằng: “Dựa theo kinh Phạm Võng, sau khi thuyết về Thập Nhẫn có pháp môn Tâm Địa, tức là Thập Đảnh này.” Lý cũng có thể thông suốt, nhưng nơi chốn thuyết về kinh ấy lại có mười một nơi: Nơi thứ nhất, pháp hội không ở Bồ-đề tràng, chỉ nói là đang an tọa trên Vương tòa Thiên Quang và Diệu Pháp Đường mà thuyết về mười Thế giới hải. Nơi thứ hai-thứ ba-thứ tư, hoàn toàn giống với pháp thuyết nơi Hội thứ ba-thứ tư-thứ năm ở đây. Ở cõi trời Tha Hóa thuyết về Thập Địa theo thứ tự cũng giống nhau, mà ở cõi trời Hóa Lạc thuyết về Thập Thiên Định, ở Sơ thiên thuyết về Thập Kim Cang Tâm, ở Nhị thiên thuyết về Thập Nguyên, ở Tam thiên thuyết về Thập Nhẫn, ở cung Ma-hê Thủ-la thuộc Tứ thiên thuyết về pháp môn Tâm Địa mà Đức Phật Lô-xá-na đã thuyết là Bốn nguyên Liên Hoa Tạng thế giới của Ta. Không nói đến thứ tự ở Trùng Hội Phổ Quang và Kỳ Viên Trùng Các, lại khác nhau khó có thể thông suốt. Lại trong phần này thưa hỏi về nhân, sau lại có thưa hỏi về quả, cho nên pháp môn Tâm Địa của Đức Phật ấy, chính là sau Như Lai Địa..., chứ không phải là Thập Đảnh.

Có nơi nói rằng: “Giải đáp ở phẩm A-tăng-kỳ, mà dựa theo kinh Anh Lạc thì phần vị Đẳng Giác có phần vị Đảnh riêng biệt, bởi vì nhân vị đã đến cuối cùng.” Nay trong phẩm A-tăng-kỳ nói về mười số lớn (Đại số), cao nhất trong số đếm cho nên nói là Thập Đảnh. Phần ấy thưa hỏi tuy có mười câu mà giải đáp có nhiều số, đối với Định và Thần thông trước đây, cũng không phải là tương tự, cho nên không thích hợp.

Có nơi nói rằng: “Giải đáp ở phẩm Thọ Lượng, mười lớp quốc độ Phật trong phẩm ấy, đều là lớp trên làm đỉnh cao của lớp dưới, cho đến quốc độ Phật Hiền Thủ gọi là Thập Đảnh. Vả lại, trong danh hiệu Phật, thì danh hiệu thứ hai là cao nhất trong mười một thế giới này, cho nên chỉ nêu ra đầu và sau trong mười một thế giới này, tức là hiển bày về số thọ lượng vượt quá trăm vạn A-tăng-kỳ thế giới. Đây là nêu ra thế giới cao nhất, bởi vì cao nhất tức là Đảnh.” Nhưng mà phẩm ấy lại không

có thừa hỏi riêng biệt, thì tựa như hơi có lý, chỉ nêu ra mười thế giới này lấy làm sự việc thừa hỏi, đối với Thập Địa... thì không thích hợp với nhau cho lắm. Nay nói rằng: Bản tiếng Phạn mới-cũ đều không có thừa hỏi về Nhẫn, trong phần giải đáp thì có, cho nên biết rằng Nhẫn trong bản tiếng Phạn tức là Đảnh trong bản kinh này.

Nói về Thập Đảnh, là cuối cùng phần vị của nhân. Thập Định-Thập Thông đều là phần vị Đẳng giác. Thập Nhẫn ở sau, lại có được tên gọi của Đảnh. Trong câu hỏi dựa theo phần vị cuối cùng, cho nên gọi là Đảnh. Giải đáp dựa vào pháp môn đã tiếp nhận (Nhẫn thọ), bởi vì Trí phù hợp với Định cho nên nói là Nhẫn. Không phải là phần vị cuối cùng thì không đầy đủ Thập Nhẫn, không có Thập Nhẫn thì không phải là cuối cùng phần vị của nhân, hai văn lại hiển bày lẫn nhau, cho nên cuối phẩm Thập Nhẫn nói: Thông đạt môn Nhẫn này thì thành tựu Vô ngại trí, vượt lên trên tất cả các chúng, chuyển pháp luân Vô thượng... Đã nói vượt lên trên thì chính là nghĩa của Đảnh, cũng giống như pháp môn Nhẫn-Đảnh trong bốn thiện căn, vốn là nghĩa tương tự với nhau. Không như vậy thì Nhẫn không có thừa hỏi riêng biệt, uống công giải đáp làm gì? Giả sử muốn thành tựu Thập Nhẫn thì phải thoát khỏi Thập Tín, bởi vì Thập Tín tuy chưa thành tựu phần vị, mà cũng tu hạnh rộng lớn thuận theo pháp giới, Đức-Dụng thù thắng ở một Hội riêng biệt, cho nên giải đáp thì phải có thừa hỏi. Nếu dùng bốn phẩm từ Thập Nhẫn trở về sau, cùng giải đáp câu hỏi về Đảnh thì đối với lý không có gì sai, bởi vì đều là cuối cùng của phần vị Đẳng giác.

Phần 2: Hai mươi câu thừa hỏi về quả đã thành tựu, hoàn toàn giống như Hội thứ nhất. Trong đó cũng có hai: Mười câu đầu là trình bày về đức bên trong thành tựu đầy đủ; mười câu sau là nói về Thế tướng biểu hiện rõ ràng.

Trong mười câu đầu: Thần lực của Như Lai, Hội trước gọi là sự gia trì của Phật, tức là dùng Thần lực mà gia trì. Thần thông dựa theo Dụng bên ngoài không có gì ngăn ngại, Thần lực dựa theo bên trong có năng lực để thực hiện. Phẩm Ly Thế Gian cũng có mười sự việc, tướng ấy tự nhiên khác nhau. Nói đến Vô ngại, nghĩa là những việc làm của Như Lai không có gì có thể làm chướng ngại. Văn trên gọi là không có gì có thể thâm nhiếp giữ lấy..., nghĩa đều giống nhau.

Trong mười câu sau, Biện tài là Ngữ nghiệp, Trí tuệ là Ý nghiệp, Tối thắng là Thân nghiệp. Dựa theo trong Hội trước, chỉ thiếu một câu về ánh sáng của Phật, còn lại như trước giải thích. Văn ở những phần giải đáp, cũng như trước dẫn ra phẩm Xuất Hiện-Bất Tư Nghi-Tướng

Hải để nói. Nhưng Hội trước là tổng quát cho nên dẫn ra văn này, văn đã dẫn ra chính là giải đáp câu hỏi bây giờ, người thuyết giảng thuận theo mà trở lại dẫn ra.

Ba: Từ “Nguyện Phật...” trở xuống là kết luận để chính thức thưa thỉnh, thưa thỉnh giống như pháp mà chư Phật mười phương đã thuyết giảng. Phần Thưa thỉnh, xong.

Ba: Phần thuyết giảng, trong đó nối thông với sau Hội sau, giải đáp về những câu hỏi ở Hội này. Dựa theo Trường hàng phân tích (Trường khoa) về thưa hỏi, cũng phân làm ba phần: 1- Ba phẩm (7-8-9) này giải đáp câu hỏi về quả đã dựa vào; 2- Từ phẩm Vấn Minh (10) trở xuống, là giải đáp câu hỏi về nhân đã tu tập; 3- Từ phẩm Bất Tư Nghị (33) trở xuống, là giải đáp câu hỏi về quả đã thành tựu. Nhân quả ấy bình đẳng, nhân là nhân ở trong quả, quả là Dụng của quả này, cho nên thuộc về quả thu nhận.

Trong phần 1 phân hai: Trước là Như Lai hiện tướng để giải đáp, bởi vì ý nghĩ thưa thỉnh, lại bởi vì Như Lai chứng đến tận cùng; sau là Văn Thù dùng ngôn thuyết để giải đáp, bởi vì Bạn giúp cho Chủ, bởi vì mượn lời nói để hiển bày.

Trong phần trước, phân hai: a- Phật hiện thân thông; b- Chúng hải vân tập.

Phần a: Nhận biết tâm niệm của Đại chúng, là hiểu về ý nghĩ thưa thỉnh. Hiện bày thân thông, là hiện tướng để giải đáp. Nói về tùy theo chủng loại, có ba nghĩa: Một: Tùy theo người nghi ngờ mà thích hợp khác nhau, nghĩa là hoặc thị hiện về Sắc khiến cho được thấy, dùng Thanh khiến cho được nghe, bí mật giúp đỡ khiến cho hiểu rõ, đều là hiện bày thân thông, dùng thân pháp giới viên minh mà lập tức hiện bày. Hai: Tùy theo người nghi ngờ mà chủng loại khác nhau. Ba: Tùy theo người nghi ngờ mà nghi ngờ khác nhau, nghĩa là nếu hàng Thập Tín nghi ngờ, thì thấy Luân tướng dưới bàn chân của Như Lai phát ánh sáng rộng khắp pháp giới...; nếu hàng Thập Trú nghi ngờ, thì thấy ngón chân của Như Lai phát ra ánh sáng triệu tập Bồ-tát ngoài một trăm Sát trần... Như một sự việc phát ra ánh sáng đã như vậy, những tướng khác đều như vậy. Vì vậy biết rằng, Hội thứ nhất hiện rõ Tướng là bao gồm chín Hội, Hội này hiện bày Thân thông là bao gồm một Phần, văn kết tập tùy theo nghĩa mà biên tập làm ra thứ tự, cho nên ba Hội sau đều có nói đến không rời khỏi tán cây Bồ-đề.

Phần b: Từ “Hiện thân thông...” trở xuống là Chúng hải vân tập, tức là hiện rõ Tướng để giải đáp về mười câu hỏi thứ nhất. Ánh sáng

hiện rõ quốc độ Phật, là giải đáp câu hỏi về quốc độ Phật. Quốc độ có sắc vàng ròng..., là sự trang nghiêm của quốc độ. Đã tạo thành từ vàng ròng, cũng là giải đáp về Thể của quốc độ. Bồ-tát ở quốc độ ấy, cũng làm trang nghiêm cho quốc độ. Bồ-tát là vật báu to lớn dùng để trang nghiêm, cũng làm cho quốc độ thanh tịnh. Quốc độ của Phật thuần tịnh chỉ có Bồ-tát, bởi vì tu phạm hạnh thanh tịnh là hạnh Tịnh độ làm thành tựu quốc độ, cũng là do quốc độ thanh tịnh mà tu phạm hạnh thanh tịnh.

Mười câu trên đây là giải đáp năm câu hỏi về Y báo, bao gồm giải đáp năm câu về Chánh báo. Quốc độ đều có Phật và nhìn thấy Như Lai an tọa trên Liên Hoa Tạng, là giải đáp về Phật trú. Hiện bày thần thông, phát ra ánh sáng là giải đáp về Uy đức. Danh hiệu như Bất Động Trí..., là giải đáp về Pháp tánh. Nhìn thấy Phật chuyển pháp luân, là giải đáp về Thuyết pháp. Phật thành tựu Chánh giác, là giải đáp về Bồ-đề. Văn tuy ở phần sau mà nghĩa đều đầy đủ ở đây, bởi vì hiện bày ở phẩm Quang Minh Giác tức là hiện bày ở đây.

Đại chúng mười phương vân tập tức là mười đoạn, văn trong mỗi một phương văn đều có tám: 1- Khoảng cách xa gần; 2- Tên gọi của quốc độ; 3- Danh hiệu của Phật; 4- Vị thượng thủ; 5- Hàng quyến thuộc; 6- Đi đến chỗ Phật; 7- Đến nơi rồi lễ lạy cung kính; 8- Hóa hiện chỗ ngồi và an tọa.

Khoảng cách xa-gần với thế giới này đều là số thuộc mười Sát trần (mười vô lượng vô biên quốc độ), bởi vì Hội trước là thuyết về nhân quả sâu rộng đã tin tưởng, do đó cần phải triệu tập vượt xa Sát hải (vô lượng vô biên quốc độ) khắp mười phương ở ngoài Hoa Tạng; nay là thuyết về đối với nhân quả phát sinh hiểu biết mà dần dần tăng thêm tu tập, cho nên chỉ triệu tập các quốc độ tiếp theo gần bên cạnh thế giới Ta-bà, vốn là Tín Hành yếu kém nhất. Lại nói về mười, là càng về sau thì dần dần tăng lên, đến phẩm Pháp Giới vẫn triệu tập Sát hải. Bắt đầu không nói là một mà thẳng thắn nói đến mười, vốn là biểu thị về Vô tận. Cần phải nói đến Sát trần (Vô lượng vô biên), bởi vì so với những sự thù thắng khác. Bởi vì có những biểu hiện, cho nên phân ra thứ bậc chứ không phải Tín là đầu tiên... Không phải là nối thông với các phương, cho nên kết luận và chứng minh thành tựu về mười phương đều thuyết giảng. Lại tùy theo mê lầm gọi là bên ngoài, tổ ngộ nơi chốn gọi là đi đến, mà thật thì quốc độ Phật vốn không có xa-gần.

Quốc độ đều gọi là Sắc, vốn là biểu thị cho Tín mà hiện bày thô hiển, cũng biểu thị cho rõ ràng dễ thấy mà có thể phát sinh niềm tin.

Danh hiệu của Phật cùng tên gọi là Trí, bởi vì có Tín mà không có Trí thì tăng thêm Vô minh, Trí ở trong Tín vốn là Bốn giác khởi lên.

Các vị Chủ cùng tên gọi là Thủ, tiếng Phạn nói là Thất Lợi, một tên gọi-bốn sự thật: 1- Đứng đầu; 2- Thù thắng; 3- Tốt lành; 4- Công đức. Đều là do người dịch trước-sau không giống nhau. Nay dùng thay cho nhau thì lấy Tín làm đầu, bởi vì Tín thâm nhiếp các phần vị; trong thứ tự của hành thì Tín vốn thù thắng nhất, bởi vì rất khó đạt được; ở trong sinh tử bắt đầu phát khởi Tín tâm, vốn là tốt lành; Tín có thể tăng trưởng công đức như Trí..., vốn là tất cả công đức. Bởi vì mười vị Bồ-tát này cùng biểu thị cho Tín môn, cho nên đều gọi là Thất Lợi; tất cả tùy theo một môn mà thông hiểu tất cả các pháp, cho nên lại có khác nhau, vẫn tiếp theo sẽ giải thích. Cũng có nơi nói rằng: Tiếng Phạn nói là Thất Lợi, Trung Hoa nói là Cát Tường, Thất Lợi nói là Thủ, cũng là một lý.

Quyển thuộc đều là mười Sát trần, bởi vì biểu thị cho mỗi một hành đều thâm nhiếp công đức vô tận.

Đều đi đến chỗ Phật, bởi vì có nơi hướng về. Còn lại giống như Hội trước.

Vả lại, những tên gọi sau Bồ-tát, đều là biểu thị cho pháp. Bồ-tát biểu thị cho Hạnh đã thực hành. Quốc độ vốn có biểu thị cho Lý đã chứng được. Danh hiệu của Phật biểu thị cho Trí đã đạt được.

Một: Phương Đông: Nói là Kim Sắc, tâm tánh vô nhiễm cùng với duyên mà thành tựu căn khí, vốn là tự Thể. Trí căn bản giống như hư không, lìa xa chủ thể giác ngộ và khách thể giác ngộ, sâu xa vắng lặng không lay động, bởi vì lay động tức là vọng, vốn không nói là Trí. Lại dù cho thành tựu quả Phật mà không khác với phàm phu, tức là Trí thuộc Bốn giác trú trong tâm thuộc Chân Như. Bồ-tát Diệu Đức, Tuệ thông hiểu khắp nơi cảnh giới của Phật, Văn Thù dựa vào Tuệ mà lựa chọn, phù hợp với Trí căn bản, cho nên phân ra nhân quả.

Hai: Giác Thủ, là giác ngộ về tâm tánh, Vô tánh không trở ngại tùy duyên, tùy duyên không trở ngại Vô tánh, vốn là Trí vô ngại. Không nhiễm mà nhiễm, nhiễm mà không nhiễm, đều khó nhận biết rõ ràng là Diệu Sắc.

Ba: Tài Thủ, là Pháp-Tài giáo hóa tức là Trí diệt trừ tối tăm, hiểu rõ chúng sinh Không giống như hoa sen không dính bụi trần.

Bốn: Bảo Thủ, là Chân-Tục không hề trái nhau, cho nên đáng tôn quý. Khéo léo nhận biết về nghiệp quả, không phạm vào oai nghi, tánh-tướng không hề trái nhau. Chỉ riêng tôn chỉ Nhất thừa, vì vậy chỉ

có người thấy hương thơm của hoa Chiêm-bạc.

Năm: Đức Thủ, bởi vì hiểu thông suốt về công đức ứng hiện thuyết pháp của Như Lai, tức là sáng tỏ đối với pháp tướng, lại là tâm hiểu biết rõ ràng về đức của Phật. Nếu có Trí này, thì như hoa sen xanh thật là bậc nhất.

Sáu: Mục Thủ, phước điền soi chiếu dẫn dắt, như mắt dẫn đường cho thân. Phước điền bình đẳng, bởi vì Trí cứu cánh, là đáng tôn trọng nhất, cho nên nói là Kim Sắc. Phật là phước điền, lấy Phật làm cảnh giới, giống như Văn Thù dựa vào thế giới Kim Sắc trên đây.

Bảy: Tinh Tiến Thủ, Chánh giáo rất sâu xa nhất định phải thuộc về tinh tiến, có thể thúc đẩy vạn hạnh là Trí thù thắng nhất, tròn sáng đáng quý, cho nên lại nói là vật báu (Bảo).

Tám: Pháp Thủ, pháp môn tuy nhiều mà chắc chắn thuộc về Chánh hạnh, đối với pháp có thể thực hành mới đạt được tự tại. Đạt được sự vững vàng sắc bén của Bát-nhã, là Kim Cang Sắc.

Chín: Trí Thủ, Trợ đạo của Phật tuy có vô lượng môn, mà Trí là đứng đầu, có thể làm thanh tịnh vạn hạnh, cho nên nói là Phạm Trí. Trí thanh tịnh-Thể thanh tịnh giống như pha lê trong sáng không hề cấu nhiễm.

Mười: Hiền Thủ, Phật trước-Phật sau đều là một đạo thanh tịnh, bởi vì tự tánh thiện cho nên gọi là Hiền, có thể nhận biết về Hiền này là năng lực quán sát, quán sát bốn tánh vốn luôn luôn bình đẳng.

Lại mười vị Phật hướng về với nhau, Bất động là Thể, còn lại đều là Dụng. Mười vị Bồ-tát hướng về với nhau, Văn Thù là tổng quát, còn lại đều là riêng biệt. Bởi vì tổng quát dẫn dắt riêng biệt, cho nên chín vị Bồ-tát không lìa xa Diệu Đức. Lấy phẩm loại trước-sau làm ví dụ, tóm lược để giải thích về phần này, chỉ có hạ mình mà mong cầu, không tin lý này thì pháp môn rất sâu xa đối với mình đâu can hệ gì?

